

Số: 44/2024/QĐST-KDTM.

Đông A, ngày 05 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ:

- Các Điều: 430, 433, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;
- Luật Thi hành án dân sự 2014;
- Biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 08 năm 2024 về việc các đương sự đã thực sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 30/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 05 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 08 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần B; Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường C, thôn T, xã B, huyện Đ thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Giám đốc Công ty.

- Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc V - Phó Giám đốc Công ty (Theo Giấy uỷ quyền ngày 14/05/2024).

2. *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn X; Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh H1 - Giám đốc Công ty.
- Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thị Thanh H2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A, ngách G, ngõ A, Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Theo Giấy uỷ quyền ngày 27/08/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tạm tính đến ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn X (từ nay gọi tắt là Công ty X) còn nợ chưa thanh toán cho Công ty cổ phần B (từ nay gọi tắt là Công ty B) số tiền mua bê tông tươi thương phẩm theo số liệu hai bên đã đối chiếu tổng cộng là: 1.292.210.000đ (Một tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, hai trăm mười ngàn đồng).

2.2. Hai bên thoả thuận để Công ty X thanh toán cho Công ty B khoản nợ trên làm 15 kỳ như sau:

+ Từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 04 (Từ tháng 09/2024 đến tháng 12/2024): Thanh toán mỗi kỳ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tổng cộng là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Thời gian thanh toán từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

+ Từ kỳ thứ 05 đến kỳ thứ 14 (Từ tháng 01/2025 đến tháng 10/2025): Thanh toán mỗi kỳ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tổng cộng là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); Thời gian thanh toán từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

+ Kỳ thứ 15 (Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 11/2025): Thanh toán số tiền nợ còn lại là 92.210.000đ (Chín mươi hai triệu, hai trăm mười ngàn đồng). Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

2.3. Trường hợp Công ty X vi phạm bất kỳ kỳ hạn thanh toán nào theo thoả thuận trên thì Công ty B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức việc thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án.

2.4. Công ty B tự nguyện không yêu cầu Công ty X phải trả nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/01/2022 đến nay.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 50.766.300đ (Năm mươi triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn, ba trăm đồng), được miễn nộp $\frac{1}{2}$ án phí là: 25.383.150đ (Hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn, một trăm năm mươi đồng), còn lại $\frac{1}{2}$ án phí là: 25.383.150đ (Hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn, một trăm năm mươi đồng), Công ty X nộp cả vào ngân sách Nhà nước.

3. Công ty B được nhận lại 25.383.000đ (Hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0017375 ngày 23 tháng 05 năm 2024, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trả.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ đối với khoản tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

6. Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- TANDTP.Hà Nội;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Lân